

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 760/2025/DS-PT
Ngày: 30 - 12 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản và hợp đồng góp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên.

Các Thẩm phán: Bà Hà Thị Phương Thanh

Bà Lê Thị Minh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Xoàn – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Ông Nguyễn Xuân Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 449/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2025/DS-ST ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 886/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 482/2025/QĐ-PT ngày 16 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đới Thị N**, sinh năm: 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Số I T, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ (Nay là số I T, phường B, thành phố Cần Thơ).

- Người đại diện theo ủy quyền:

1. Bà **Võ Ngọc N1**, sinh năm: 2001 (vắng mặt)

2. Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số B N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là số B N, phường C, thành phố Cần Thơ).

(Theo văn bản ủy quyền số công chứng 4899 quyền số 05/2024 TP/CC-

SCC/HĐGD ngày 13 tháng 5 năm 2024)

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Xuân T**, sinh năm: 1973

Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm: 1977

Cùng địa chỉ: Số 38A/14 Nguyễn Truyền Thanh, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (Nay là số 38A/14 Nguyễn Truyền Thanh, phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ).

Chỗ ở: Số 28/42 Huỳnh Phan Hộ, phường Trà An, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (Nay là số 28/42 Huỳnh Phan Hộ, phường Thới An Đông, thành phố Cần Thơ).

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Trần Thị M**, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Số I N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là số I N, phường C, thành phố Cần Thơ).

(Theo văn bản ủy quyền số công chứng: 3689, quyển số 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29 tháng 8 năm 2024)

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đới Thị N có đại diện theo ủy quyền là bà Võ Ngọc N1 trình bày:

Giữa bà Đới Thị N với vợ chồng bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Xuân T có mối quan hệ bạn bè đồng nghiệp. Do thấy vợ chồng ông Nguyễn Xuân T với bà Nguyễn Thị D là giảng viên nên tin tưởng, khi ông T với bà D hỏi vay số tiền 613.825.000 đồng thì bà đồng ý; đồng thời, còn tham gia chơi hụi do ông T với bà D tổ chức. Đến tháng 11/2022, do thấy vợ chồng ông Nguyễn Xuân T với bà Nguyễn Thị D không ổn nên bà đã hốt hụi và báo lấy lại tiền nhưng vợ chồng ông T với bà D không giao trả; bà đã đòi tiền nhiều lần nhưng ông T với bà D không hợp tác. Vào ngày 20/4/2023, bà Nguyễn Thị D viết biên nhận nợ và thừa nhận ông Nguyễn Xuân T với bà Nguyễn Thị D còn nợ tiền và hứa hẹn sẽ bán tài sản để trả nợ nhưng khi bán được tài sản thì ông T với bà D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Sau đó, bà đã tiếp tục đòi tiền nhiều lần nhưng ông Nguyễn Xuân T với bà Nguyễn Thị D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà còn chửi bới, thách thức.

Nhận thấy quyền và lợi ích bị xâm phạm nên bà Đới Thị N khởi kiện và yêu cầu: Buộc ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị D cùng liên đới trách nhiệm trả cho bà tổng số tiền 999.735.700 đồng (tiền nợ vốn 923.825.000 đồng và tiền nợ lãi 75.910.700 đồng) và yêu cầu ông Nguyễn Xuân T với bà Nguyễn Thị D tiếp tục trả khoản tiền lãi 10%/năm trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 01/7/2023 cho đến khi trả hết nợ.

* *Bị đơn bà Nguyễn Thị D có đơn phản tố và trình bày:* Trước đây, bà có làm chủ hội và có làm ăn thêm liên quan đến kinh tế như cho vay nên bà có góp hội, đi vay và cho vay với nhiều người. Trong nguyên tắc làm ăn, nếu là cho vay, đi vay hay giao nhận tiền hội thì các bên đều có ghi rõ thông tin họ tên đầy đủ, năm sinh và chỗ ở để xác nhận hai bên đều rõ ràng mới cho vay mượn tiền hay giao tiền. Đối với bà Đới Thị N thì bà có vay tiền của bà N và bà N có góp hội với bà. Trong thời gian góp hội và cho vay tiền giữa bà với bà Đới Thị N có giao dịch với nhau bằng lệnh chuyển tiền vào tài khoản tại Ngân hàng N3 và Ngân hàng Q (MB); tiền bà giao hội cho bà Đới Thị N là tiền mặt có ký nhận tiền của bà Đới Thị N. Số tiền được bà chuyển vào tài khoản Ngân hàng cho bà Đới Thị N bắt đầu từ năm 2019 và giao hội cũng có giấy biên nhận ký tên và giấy hốt hội. Bà đã trả tiền vay và tiền hội đầy đủ cho bà Đới Thị N; tất cả giao dịch chơi hội, chuyển tiền và trả tiền vay cho bà N là từ năm 2019 đến đầu năm 2023 thì bà thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ nên bà không còn nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà Đới Thị N.

Do làm ăn đối với công việc nói trên nên bà có rất nhiều người tham gia cũng là tên N và rất nhiều tên khác. Nhưng đối với bà Đới Thị N thì bà đã giao hội và trả tiền vay đầy đủ, không còn thiếu tiền bà Đới Thị N. Còn giấy tờ phía bà Đới Thị N cung cấp bà đã được xem thì đúng là chữ ký của bà nhưng bà viết cho người tên N khác.

Từ năm 2019 đến năm 2022, bà Nguyễn Thị D có làm chủ hội và bà Đới Thị N là người chơi hội; mỗi lần hốt hội, bà Nguyễn Thị D đều giao hội bằng tiền mặt cho bà Đới Thị N và được bà N ký xác nhận. Các dây hội bà Đới Thị N đã hốt hội, cụ thể: (1) Dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 06/01/2019, bà N hốt hội ngày 06/7/2019 với số tiền 38.030.000 đồng, do ông N2 chồng bà N ký nhận thay cho bà N. (2) Dây hội 3.000.000 đồng mở ngày 06/01/2019, bà N hốt hội ngày 06/7/2019 với số tiền 56.620.000 đồng do ông N2 chồng bà N ký nhận thay cho bà N. (3) Dây hội 10.000.000 đồng mở ngày 24/4/2020, bà N hốt hội ngày 24/11/2020 với số tiền 185.700.000 đồng. (4) Dây hội 10.000.000 đồng mở ngày 16/11/2020, bà N hốt hội ngày 16/11/2021 với số tiền 182.000.000 đồng. (5) Dây hội 3.000.000 đồng mở ngày 08/7/2020, bà N hốt hội ngày 08/4/2021 với số tiền 68.000.000 đồng. (6) Dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 12/12/2019, bà N hốt hội ngày 12/3/2021 với số tiền 42.410.000 đồng. (7) Dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 01/8/2019, bà N hốt hội ngày 01/10/2020 với số tiền 42.000.000 đồng. (8) Dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 12/12/2019, bà N hốt hội ngày 12/6/2021 với số tiền 44.000.000 đồng. (9) Dây hội 5.000.000 đồng mở ngày 26/9/2019, bà N hốt hội ngày 26/01/2021 với số tiền 106.300.000 đồng. (10) Dây hội 5.000.000 đồng mở ngày 12/12/2019, bà N hốt hội ngày 12/01/2021 với số tiền 101.880.000 đồng. (11) Dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 06/01/2019, bà N hốt hội ngày 06/11/2020 với số tiền 44.600.000 đồng. (12) Dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 26/9/2019, bà N hốt hội ngày 26/8/2020 với số tiền 41.150.000 đồng. (13) Dây hội 10.000.000 đồng mở ngày 24/4/2020, bà N hốt hội ngày 24/8/2020 với số tiền 189.000.000 đồng. (14) Dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 16/3/2019, bà N hốt hội ngày 16/4/2020 với số tiền 40.300.000 đồng. (15) Dây hội 2.000.000 đồng mở

ngày 16/3/2019, bà N hót hụi ngày 16/10/2019 với số tiền 37.800.000 đồng. (16) Dây hụi 5.000.000 đồng mở ngày 16/3/2019, bà N hót hụi ngày 16/7/2019 với số tiền 88.560.000 đồng. (17) Dây hụi 5.000.000 đồng mở ngày 20/5/2019, bà N hót hụi ngày 20/5/2020 với số tiền 98.200.000 đồng. (18) Dây hụi 5.000.000 đồng mở ngày 20/5/2019, bà N hót hụi ngày 20/11/2019 với số tiền 89.550.000 đồng. (19) Dây hụi 3.000.000 đồng mở ngày 06/01/2019, bà N hót hụi ngày 06/4/2020 với số tiền 62.060.000 đồng. (20) Dây hụi 5.000.000 đồng mở ngày 12/12/2019, bà N hót hụi ngày 12/7/2020 với số tiền 95.570.000 đồng. (21) Dây hụi 3.000.000 đồng mở ngày 24/4/2020, bà N hót hụi ngày 24/01/2021 với số tiền 59.250.000 đồng. (22) Dây hụi 5.000.000 đồng mở ngày 01/8/2019, bà N hót hụi ngày 01/02/2021 với số tiền 107.700.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bà Đới Thị N đã hót hụi và bà Nguyễn Thị D đã giao tiền hụi cho bà N là 1.820.740.000 đồng nhưng bà Đới Thị N chỉ mới đóng tiền hụi cho bà Nguyễn Thị D số tiền 159.350.000 đồng, còn nợ lại số tiền 1.661.390.000 đồng chưa đóng hụi. Nay bà Đới Thị N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị D trả lại số tiền 923.825.000 đồng thì bà Nguyễn Thị D không đồng ý vì lấy số tiền hụi bà Đới Thị N còn thiếu 1.661.390.000 đồng trừ số tiền bà N cho rằng bà Nguyễn Thị D còn nợ 923.825.000 đồng thì bà Đới Thị N còn nợ bà Nguyễn Thị D số tiền 737.575.000 đồng.

Do đó, bà Nguyễn Thị D có đơn phản tố yêu cầu buộc bà Đới Thị N trả lại cho bà Nguyễn Thị D khoản tiền nợ hụi với số tiền 737.565.000 đồng.

Đối với khoản tiền hụi với số tiền 310.000.000 đồng là giao dịch chơi hụi với bà Lê Thị O (dì ruột của bà Đới Thị N) chơi hụi từ năm 2019 đến năm 2022.

Riêng chồng của bà Nguyễn Thị D tên Nguyễn Xuân T không biết gì về công việc làm hụi hay vay tiền của bà Nguyễn Thị D với mọi người nên ông Nguyễn Xuân T không liên quan.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2025/DS-ST ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đới Thị N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị D. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đới Thị N đối với yêu cầu trách nhiệm liên đới trả nợ của ông Nguyễn Xuân T và khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ hụi.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị D đối với nguyên đơn bà Đới Thị N.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Đới Thị N số tiền 613.825.000 đồng tiền nợ vay và 310.000.000 đồng tiền nợ hụi theo giấy nhận nợ ngày 20/4/2023.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Đới Thị N 120.153.900 tiền lãi và khoản tiền lãi phát sinh tính từ ngày 28/8/2025 cho đến khi trả hết khoản nợ vay theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Đới Thị N khoản tiền nợ hui với số tiền 310.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/9/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị D kháng cáo. Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày: Đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bởi những lý do: Bà Đới Thị N có tham gia chơi hui của bị đơn và đã hót hui nhiều lần nhưng không đóng hui cho bị đơn. Chứng minh cho việc này là những biên nhận hót hui mà bà N đã nhận tiền và ký tên. Tổng số tiền các lần hót hui tính từ năm 2019 đến năm 2022 là 1.661.390.000đồng. Đối với phần tiền bà N yêu cầu thì bị đơn thống nhất còn nợ nhưng đề nghị được trừ số tiền hui mà bà N còn nợ đối với bà D. Việc ngày bà N và bà D lập biên nhận nợ chốt nợ giữa bà D với bà N do thời điểm đó bà D không nhớ số tiền hui bà N còn nợ là bao nhiêu nên không chốt số tiền này. Tuy nhiên, bà N với bà D đã chốt miệng với nhau thống nhất khoản tiền bà N còn nợ bà D là 1.661.390.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm: Về tố tụng, từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Xét thấy bà D kháng cáo mà không cung cấp được chứng cứ mới, cũng không chứng minh được số tiền bà N còn thiếu bà D. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 1, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn Nguyễn Thị D có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem là hợp lệ và được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Xét về thủ tục tại cấp sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết, cấp sơ thẩm đã mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ vào ngày 13/8/2024 và ngày 25 tháng 9 năm 2024, tiếp đó là đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 06 tháng 9

năm 2024. Tuy nhiên đến tháng 07 tháng 10 năm 2024 bà D mới có đơn phản tố. Căn cứ vào khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải” đáng lẽ cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn. Nhưng cấp sơ thẩm lại cho thụ lý phản tố sau khi đã đưa vụ án ra xét xử là vi phạm về mặt thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, xét về nội dung giải quyết đảm bảo không làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của các đương sự nên cấp phúc thẩm chỉ đề nghị cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm phần này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị D yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận phản tố của bị đơn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Đới Thị N và bị đơn bà Nguyễn Thị D có xác lập hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi, theo đó nguyên đơn bà Đới Thị N có cho bị đơn bà Nguyễn Thị D vay số tiền 613.825.000 đồng và có tham gia chơi hụi do bà D làm chủ hụi. Đến ngày 20/4/2023 giữa bà Đới Thị N và bà Nguyễn Thị D làm giấy tay chốt khoản nợ, cụ thể số tiền nợ vay là 613.825.000 đồng, tiền nợ hụi là 310.000.000 đồng, biên nhận do bà D ký tên, bà D đã thừa nhận chữ ký trong biên nhận nên đây là tình tiết chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà D hứa bán được tài sản sẽ trả nợ, nhưng không trả nên phía bà N khởi kiện yêu cầu bà D trả số tiền trên, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đúng pháp luật.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án bà D thống nhất các khoản nợ nhưng bà D có yêu cầu phản tố để bù trừ nghĩa vụ với bà N với lý do trong khoảng thời gian từ năm 2019-2022 bà D có làm chủ hụi, bà N có tham gia chơi hụi và còn nợ số tiền hụi chết là 1.661.390.000 đồng. Bà D yêu cầu được căn trừ vào số tiền nợ bà N thì bà N còn thiếu lại bà D số tiền 737.575.000 đồng. Bà D yêu cầu bà N trả số tiền này.

[2.3] Để chứng minh cho yêu cầu phản tố của mình bà D cung cấp các giấy tờ giao tiền hụi cho bà N và sao kê các lần chuyển tiền qua ngân hàng vào tài khoản của bà N. Tuy nhiên, việc giao dịch hụi giữa bà N và bà D trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2022 thì giữa bà N và bà D không làm văn bản chốt tiền hụi, bà D không đưa ra được chứng cứ chứng minh bà N còn nợ tiền hụi chết là 1.661.390.000 đồng, phía bà N cũng không thừa nhận số tiền trên. Bà D cho rằng bà N còn nợ tiền hụi chết đối với các dây hụi trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2022, nhưng biên nhận chốt tiền nợ ngày 20/4/2023 giữa bà N và bà D lại không đề cập đến khoản tiền bà N nợ của bà D để căn trừ. Do đó các giấy tờ giao hụi và chuyển tiền hụi cho bà N mà bà D cung cấp được xác lập từ trước khi bà N với bà D lập biên nhận xác nhận nợ là chưa đủ cơ sở chứng minh

bà N có nợ bà D số tiền hui chết là 1.661.390.000đồng. Như vậy, các bên đã chốt nợ theo biên nhận nợ ngày 20/4/2023 nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu phản tố của bà D.

[3]. Xét thấy, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị D.

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 78/2025/DS-ST ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đới Thị N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị D. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đới Thị N đối với yêu cầu trách nhiệm liên đới trả nợ của ông Nguyễn Xuân T và khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ hui.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị D đối với nguyên đơn bà Đới Thị N.

3. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Đới Thị N số tiền 613.825.000đồng (Sáu trăm mười ba ngàn tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền nợ vay và 310.000.000đồng (Ba trăm mười triệu đồng) tiền nợ hui theo giấy nhận nợ ngày 20/4/2023.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Đới Thị N 120.153.900đồng (Một trăm hai mươi triệu một trăm năm mươi ba ngàn chín trăm đồng) tiền lãi và khoản tiền lãi phát sinh tính từ ngày 28/8/2025 cho đến khi trả hết khoản nợ vay theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Nguyên đơn bà Đới Thị N phải chịu 3.321.546đồng (Ba triệu ba trăm hai mươi một ngàn năm trăm bốn mươi sáu đồng), được khấu trừ 20.996.036

đồng (Hai mươi triệu chín trăm chín mươi sáu ngàn không trăm ba mươi sáu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002712 ngày 17/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Cần Thơ); nguyên đơn bà Đới Thị N được nhận lại số tiền 17.674.490 đồng (Mười bảy triệu sáu trăm bảy mươi bốn ngàn bốn trăm chín mươi đồng).

4.2. Bị đơn bà Nguyễn Thị D phải chịu 65.446.300 đồng, được khấu trừ 16.751.300 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001167 ngày 24/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Cần Thơ), bị đơn bà Nguyễn Thị D còn phải nộp 48.695.000 đồng (Bốn mươi tám triệu sáu trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), chuyển 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003096 ngày 15/9/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 30/12/2025).

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 2 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Thị Chiên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Minh Trang – Hà Thị Phương Thanh

Mạc Thị Chiên

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Thị Chiên